

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

Số: 1098/TB-HĐTS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

**Ngưỡng đầu vào, quy tắc quy đổi tương đương và quy định về điểm xét tuyển
Kì tuyển sinh đại học chính quy năm 2026**

Căn cứ Công văn số 2304/BGDĐT-GDĐH ngày 04 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng 2026;

Căn cứ Công văn số 287/KT-ĐG-ĐGNL ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo, Đại học Quốc gia TP.HCM về cung cấp khung quy đổi tương đương điểm thi Đánh giá năng lực ĐHQG-HCM với điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026;

Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GDĐH ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đối sánh phổ điểm một số tổ hợp điểm thi trung học phổ thông năm 2026 điểm học tập bậc trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 299/KTĐGQG-PTCCKTĐG ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy đổi điểm thi V-SAT 2026;

Căn cứ Quyết định số 1961/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 1963/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học, cao đẳng năm 2026;

Nhà trường thông báo ngưỡng đầu vào, quy tắc quy đổi tương đương và quy định về điểm xét tuyển Kì tuyển sinh đại học chính quy năm 2026 như sau:

1. Ngưỡng đầu vào các ngành, chương trình đào tạo

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Ngưỡng đầu vào (thang 30 điểm)
1	7140114	Quản lý giáo dục	16
2	7140201	Giáo dục Mầm non	20

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Ngưỡng đầu vào (thang 30 điểm)
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	20
4	7140205	Giáo dục chính trị	20
5	7140209	Sư phạm Toán học	23
6	7140211	Sư phạm Vật lý	20
7	7140212	Sư phạm Hoá học	20
8	7140213	Sư phạm Sinh học	20
9	7140217	Sư phạm Ngữ văn	20
10	7140218	Sư phạm Lịch sử	20
11	7140219	Sư phạm Địa lý	20
12	7140221	Sư phạm Âm nhạc	19
13	7140222	Sư phạm Mỹ thuật	19
14	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	20
15	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	20
16	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	20
17	7220201	Ngôn ngữ Anh	19
18	7220201C	Ngôn ngữ Anh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	19
19	7229010	Lịch sử	16
20	7310401	Tâm lý học	17
21	7310501	Địa lý học	16
22	7310601	Quốc tế học	16
23	7310630	Việt Nam học	16
24	7320201	Thông tin - Thư viện	16
25	7340101	Quản trị kinh doanh	17
26	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	17
27	7340120	Kinh doanh quốc tế	17
28	7340201	Tài chính - Ngân hàng	17
29	7340301	Kế toán	17
30	7340301C	Kế toán (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	17
31	7340302	Kiểm toán	17
32	7340406	Quản trị văn phòng	16
33	7380101	Luật	20
34	7440301	Khoa học môi trường	16

STT	Mã xét tuyển	Tên ngành, chương trình đào tạo	Ngưỡng đầu vào (thang 30 điểm)
35	7460108	Khoa học dữ liệu	18
36	7460112	Toán ứng dụng	19
37	7480103	Kỹ thuật phần mềm	16
38	7480107	Trí tuệ nhân tạo	16
39	7480201	Công nghệ thông tin	16
40	7480201C	Công nghệ thông tin (Chương trình đào tạo chất lượng cao)	16
41	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	16
42	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông	16
43	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	16
44	7520201	Kỹ thuật điện	16
45	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Thiết kế vi mạch)	16
46	7810101	Du lịch	16
47	7810202	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	16

2. Về việc xác định đạt ngưỡng đầu vào đối với các phương thức xét tuyển

2.1. Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2026 (gọi tắt là phương thức THPT)

a) Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào khi tổng điểm thi 03 môn trong tổ hợp xét tuyển (THXT) không nhân hệ số cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đầu vào của ngành, chương trình đào tạo đăng ký xét tuyển quy định tại mục 1 của thông báo này.

b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại điểm a mục này và đạt điều kiện sau:

+ Đối với các tổ hợp xét tuyển có sử dụng kết quả quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thành điểm xét tuyển môn Tiếng Anh (N1) theo quy định của Trường, thì *tổng điểm 02 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển + 2/3 điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có)* phải đạt tối thiểu từ 2/3 ngưỡng đầu vào năm 2026 các ngành đào tạo giáo viên tương ứng do Bộ GD&ĐT công bố.

+ Đối với các ngành Giáo dục Mầm non, Sư phạm Âm nhạc và Sư phạm Mỹ thuật, *điểm môn Văn hoặc điểm môn Toán trong THXT + 1/3 điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có)* phải đạt tối thiểu từ 1/3 ngưỡng đầu vào năm 2026 các ngành đào tạo giáo viên tương ứng do Bộ GD&ĐT công bố.

2.2. Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026 (gọi tắt là phương thức ĐGNL)

Thí sinh đạt ngưỡng đầu vào khi điểm bài thi cao nhất đã được quy đổi tương đương về thang 30 điểm (theo quy tắc quy đổi tương đương đương tại mục 3 dưới đây) cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đầu vào của ngành, chương trình đào tạo đăng ký xét tuyển quy định tại mục 1 của thông báo này.

2.3. Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học trên máy tính năm 2026 (gọi tắt là phương thức V-SAT)

a) Đối với ngành Luật, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào theo phương thức THPT quy định tại mục 2.1 hoặc đạt điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Quy chế tuyển sinh hiện hành, cụ thể: Kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo THXT (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

b) Đối với các ngành đào tạo không phải ngành Luật, thí sinh đạt ngưỡng đầu vào khi tổng điểm thi 3 môn trong THXT đã quy đổi (theo quy tắc quy đổi tương đương đương tại mục 3 dưới đây) không nhân hệ số cộng với điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đầu vào của ngành, chương trình đào tạo đăng ký xét tuyển quy định tại mục 1 của thông báo này.

2.4. Đối với ngành Luật, ngoài việc đáp ứng ngưỡng đầu vào theo quy định tại các mục trên, thí sinh phải đáp ứng chuẩn đầu vào theo quy định tại Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể: Điểm môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn đạt tối thiểu là 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm (tối thiểu 6,00 điểm mỗi môn theo thang điểm 10 đối với điểm thi tốt nghiệp THPT hoặc tối thiểu 90,00 điểm mỗi môn theo thang điểm 150 đối với điểm thi V-SAT).

3. Quy tắc quy đổi tương đương

3.1. Quy đổi tương đương giữa các THXT đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT

- Căn cứ Công văn số 4228/BGDĐT-GDĐH ngày 06/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Sài Gòn quy định độ lệch điểm giữa các THXT đối với phương thức THPT như sau:



STT	Hàng	THXT gốc	Độ lệch điểm các THXT quy về THXT gốc						
			Cột 1	Cột 2	Cột 3	Cột 4	Cột 5	Cột 6	Cột 7
			A00	A01	B00	C00	C01	D01	D07
1.	Hàng 1	A00		-0.99	0.29	-2.17	-0.19	-0.41	-0.62
2.	Hàng 2	A01	0.99		1.28	-1.18	0.79	0.58	0.36
3.	Hàng 3	B00	-0.29	-1.28		-2.46	-0.48	-0.70	-0.91
4.	Hàng 4	C00	2.17	1.18	2.46		1.98	1.76	1.55
5.	Hàng 5	C01	0.19	-0.79	0.48	-1.98		-0.22	-0.43
6.	Hàng 6	D01	0.41	-0.58	0.70	-1.76	0.22		-0.21

- Điểm của THXT thuộc cột **m** được quy đổi về THXT gốc ứng với hàng **n** bằng cách trừ độ lệch của cột **m** và hàng **n** tương ứng:

Ví dụ: Điểm của THXT A01 của thí sinh là 20,00 điểm. Điểm quy đổi của THXT A01 về THXT gốc A00 xác định như sau:

+ Bước 1: Xác định THXT cần quy đổi A01 thuộc cột 2, THXT gốc A00 thuộc hàng 1, mức điểm chênh lệch tương ứng của cột 2 so với hàng 1 là -0,99.

+ Bước 2: Tính điểm của THXT A01 quy đổi về THXT gốc A00:

$$\text{Điểm quy đổi THXT} = 20,00 - (-0,99) = 20,99$$

- Đối với các THXT không có trong bảng quy định trên đây, độ lệch với THXT gốc của ngành xét tuyển là 0 điểm.

3.2. Quy tắc quy đổi tương đương giữa các phương thức

- Trường thực hiện quy đổi điểm thi từng môn V-SAT về thang điểm 10, điểm bài thi ĐGNL về thang điểm 30 của phương thức THPT dựa trên bảng bách phân vị tương đương như sau:

+ Quy đổi tương đương điểm thi từng môn V-SAT về thang điểm 10 của phương thức THPT: Sử dụng bảng bách phân vị tương đương tại *Phụ lục I về Quy đổi điểm thi V-SAT và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo từng môn thi theo Công văn số 299/KTĐGQG-PTCCKTĐG ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Khảo thí quốc gia và Đánh giá chất lượng giáo dục, Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.*

+ Quy đổi tương đương điểm bài thi ĐGNL về thang 30 của phương thức THPT: Sử dụng khung quy đổi tương đương điểm thi Đánh giá năng lực ĐHQG-HCM với điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo Công văn số 287/KT-ĐG-ĐGNL ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo, Đại học Quốc gia TP.HCM.

- Điểm thi x thuộc vùng $[a, b]$ của phương thức V-SAT hoặc của phương thức ĐGNL được quy về phương thức THPT thành điểm y thuộc vùng $[c, d]$ theo công thức như sau:

$$y = c + \frac{(x - a)(d - c)}{(b - a)}$$

trong đó $[c, d]$ là vùng điểm của phương thức THPT tương ứng với vùng điểm $[a, b]$ trong bảng bách phân vị tương ứng.

4. Quy định về điểm xét tuyển

Gọi:

- ĐTHXT là điểm THXT đã được quy đổi tương đương về phương thức THPT;
- ĐTHGXT là điểm THXT quy về THXT gốc;
- ĐC là điểm cộng;
- ĐƯT là điểm ưu tiên;
- MĐƯT là mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng;
- ĐXT là điểm xét tuyển của thí sinh.

4.1. Điểm tổ hợp xét tuyển (ĐTHXT) đã được quy đổi tương đương về phương thức THPT

+ Đối với phương thức V-SAT và THPT:

$$\text{ĐTHXT}_{\text{V-SAT}} = [(d_1 \times w_1 + d_2 \times w_2 + d_3 \times w_3) / W] \times 3$$

$$\text{ĐTHXT}_{\text{THPT}} = [(d_1 \times w_1 + d_2 \times w_2 + d_3 \times w_3) / W] \times 3$$

trong đó,

- d_1, d_2, d_3 lần lượt là điểm thi môn 1, môn 2, môn 3 trong THXT theo thang 10 điểm.
- w_1, w_2, w_3 lần lượt là hệ số của môn 1, môn 2, môn 3 trong THXT.
- $W = w_1 + w_2 + w_3$ là tổng các hệ số các môn trong THXT.

+ Đối với phương thức ĐGNL:

$$\text{ĐTHXT}_{\text{ĐGNL}} = \text{Điểm thi ĐGNL được quy đổi tương đương về thang 30 theo quy tắc tại mục 3.2}$$

4.2. Điểm tổ hợp gốc xét tuyển (ĐTHGXT)

+ Đối với phương thức V-SAT:

$$\text{ĐTHGXT}_{V-SAT} = \text{ĐTHXT}_{V-SAT} \text{ được quy đổi tương đương về tổ hợp gốc theo quy định tại mục 3.1}$$

+ Đối với phương thức ĐGNL:

$$\text{ĐTHGXT}_{ĐGNL} = \text{ĐTHXT}_{ĐGNL}$$

+ Đối với phương thức THPT:

$$\text{ĐTHGXT}_{THPT} = \text{ĐTHXT}_{THPT} \text{ được quy đổi tương đương về tổ hợp gốc theo quy định tại mục 3.1}$$

4.3. Điểm cộng (ĐC)

Điểm cộng (ĐC) bao gồm điểm khuyến khích, điểm thưởng, điểm xét thưởng theo quy định tại Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Sài Gòn. Tổng điểm cộng của thí sinh không vượt quá 3,00 điểm theo thang 30.

4.4. Điểm ưu tiên theo từng phương thức

- ĐTHGXT theo từng phương thức là ĐTHGXT_{V-SAT} hoặc ĐTHGXT_{ĐGNL} hoặc ĐTHGXT_{THPT}.

- Điểm ưu tiên (ĐƯT) theo từng phương thức tương ứng với ĐTHGXT của phương thức đó, bao gồm điểm ưu tiên đối tượng và điểm ưu tiên khu vực theo Điều 7 Quy chế tuyển sinh và được xác định như sau:

+ Thí sinh có (ĐTHGXT + ĐC) < 22,5 điểm:

$$\text{ĐƯT} = \text{MĐƯT}$$

với MĐƯT là mức điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh.

+ Thí sinh có (ĐTHGXT + ĐC) ≥ 22,5 điểm:

$$\text{ĐƯT} = [(30 - \text{ĐTHGXT} - \text{ĐC}) / 7,5] \times \text{MĐƯT}$$

4.5. Điểm xét tuyển theo từng phương thức

Điểm xét tuyển (kí hiệu là ĐXT) là căn cứ thực hiện xét tuyển và xác định thí sinh trúng tuyển vào một ngành, chương trình đào tạo. Điểm xét tuyển tối đa là 30 điểm và được tính như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTHGXT} + \text{ĐC} + \text{ĐƯT}$$

5. Các lưu ý khác đối với thí sinh

Thí sinh có nguyện vọng xét tuyển vào Trường phải thực hiện đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Cổng dịch vụ công Quốc gia, bao gồm các thí sinh đã được xác định đủ điều kiện trúng tuyển thẳng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Mọi thắc mắc, thí sinh vui lòng liên hệ Phòng Đào tạo Trường Đại học Sài Gòn (Phòng C008, 273 An Dương Vương, Phường Chợ Quán, TP.HCM - SĐT: (028) 38352309, (028) 38338975 - Email: tuyensinh@sgu.edu.vn)./.

Nơi nhận:

- BGH; HĐTS;
- Lưu: VP, PDT, PA.(8).

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

